# CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

## Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

| Ngày 31/12/2025 | 17,450 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | **-1.4%** | **-9.1%** | **-7.7%** |

**DT thuần**
*Q4/25*
**-4,268**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▼337| -8.6%
YoY: ▼1,425| -50.1%

**LN thuần**
*Q4/25*
**-37.6**
*tỷ VNĐ*
QoQ: ▼6.30| -20.2%
YoY: ▲ 12.7| 25.2%

**LN sau thuế**
*Q4/25*
**0**
*tỷ VNĐ*

**Tỷ suất lãi EBIT**
*2025*
**15.9%**
YoY: +/-▼ 6.5%

**ROE**
*2025*

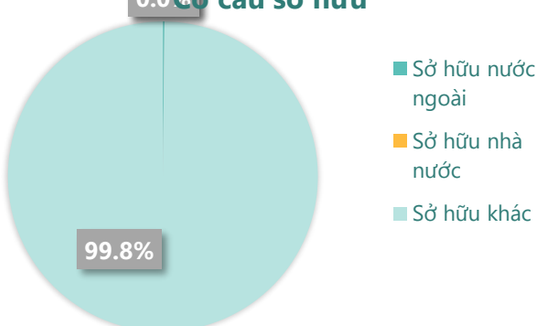
| | |
|---|---|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 16,600 - 23,100 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 49,645 |
| Số lượng CPLH (CP) | 2,845,000,000 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 8,822,388 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.2% |
| Beta | 1.05 |
| EPS | 1,937 |
| P/E | 9.0 |

**DT thuần**
*2025*
**-14,866**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼4,116| -38.3%

**LN thuần**
*2025*
**-210**
*tỷ VNĐ*
YoY: ▼17.0| -8.9%

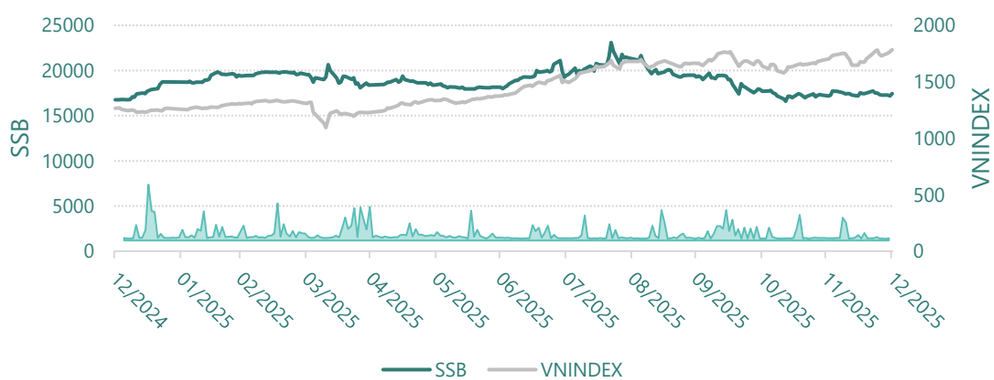
**LN sau thuế**
*2025*
**0**
*tỷ VNĐ*

### Cơ cấu sở hữu

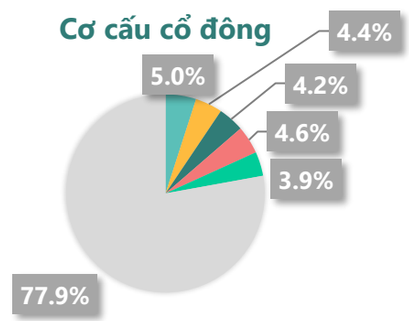



*(Nguồn: fireant.vn)*

### Lịch sử giá




### Cơ cấu cổ đông

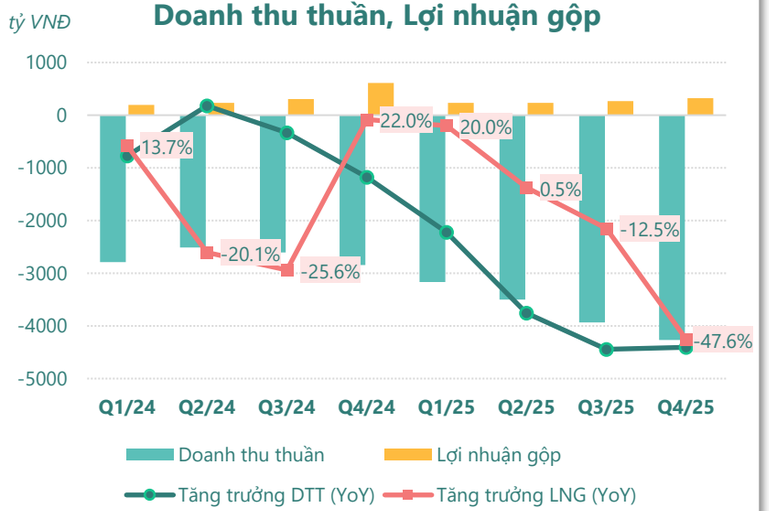



- Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ
- Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và Thương mại Đức Thịnh
- Nguyễn Thị Nga (Phó Chủ tịch HĐQT)
- CTCP ORG
- CTCP Khách sạn Du lịch Sông Nhuệ

*(Nguồn: fireant.vn)*

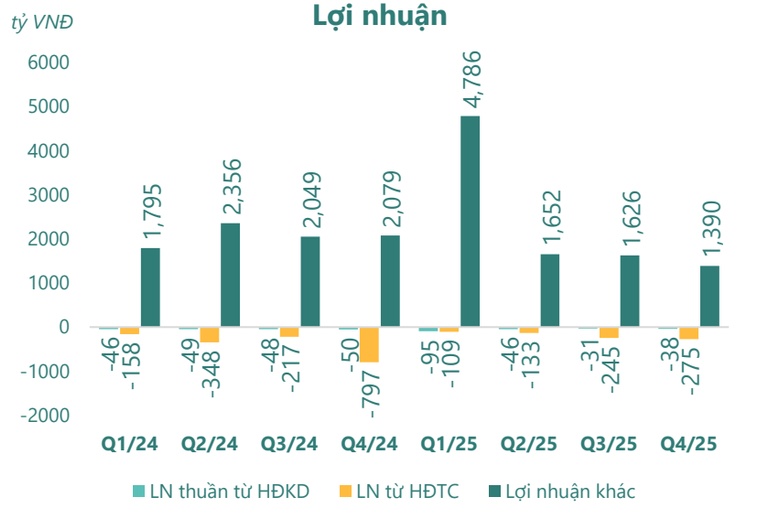
# KẾT QUẢ KINH DOANH

## Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



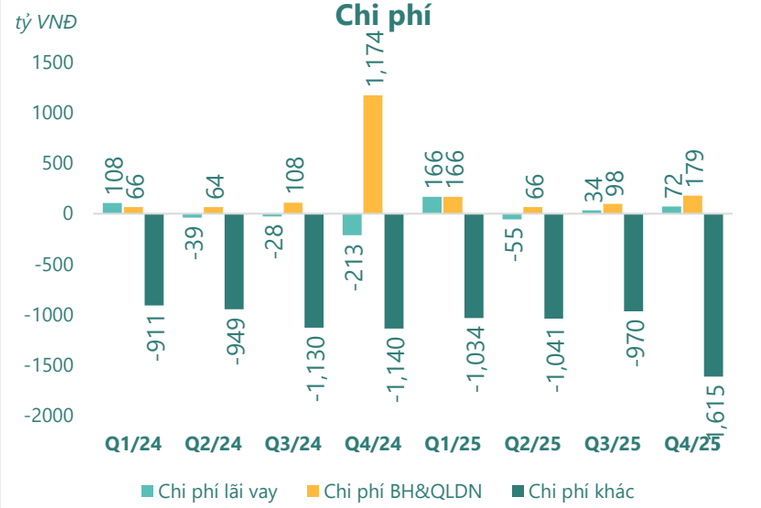

(Nguồn: fireant.vn)

## Lợi nhuận



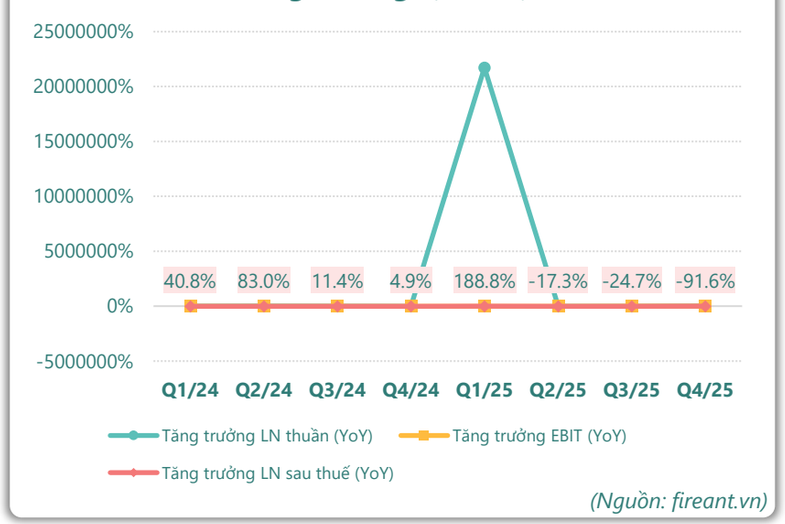

(Nguồn: fireant.vn)

## Chi phí



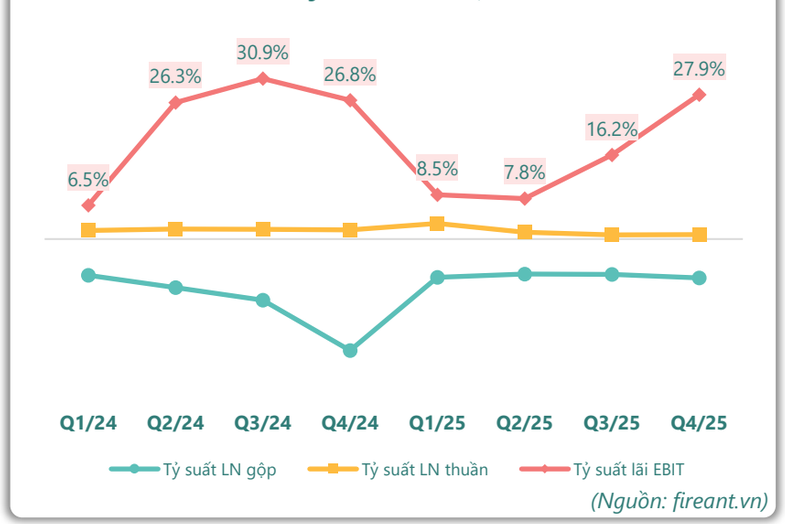

(Nguồn: fireant.vn)

## Tăng trưởng lợi nhuận



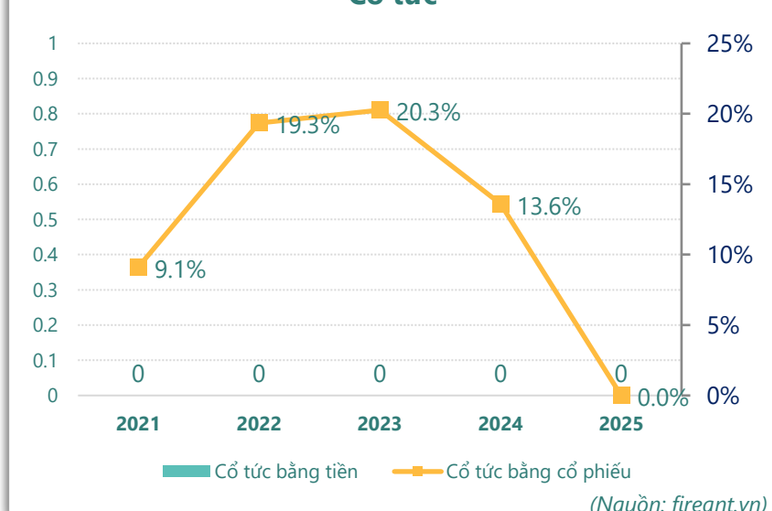

(Nguồn: fireant.vn)

## Tỷ suất sinh lợi



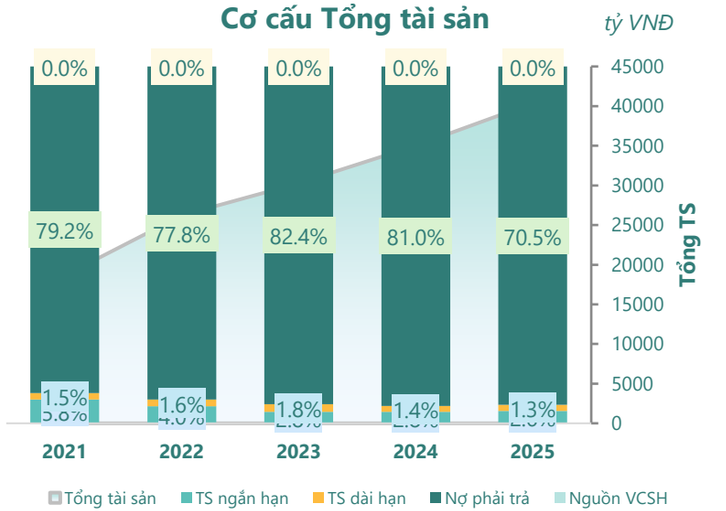

(Nguồn: fireant.vn)

## Cổ tức

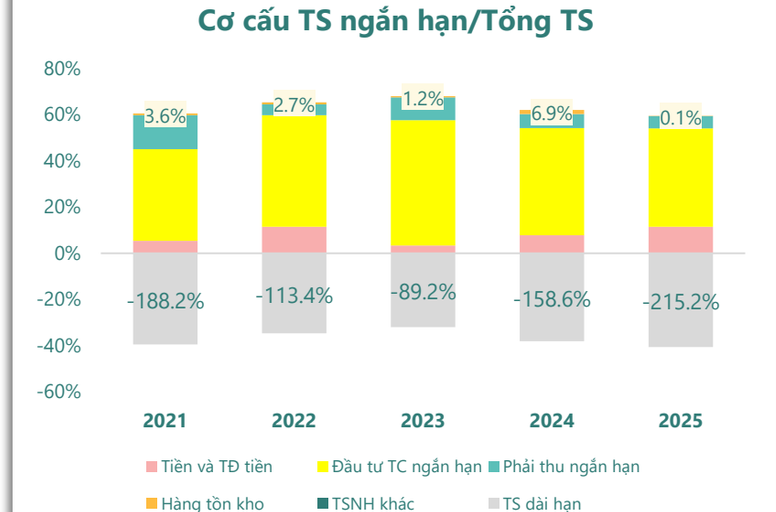



(Nguồn: fireant.vn)

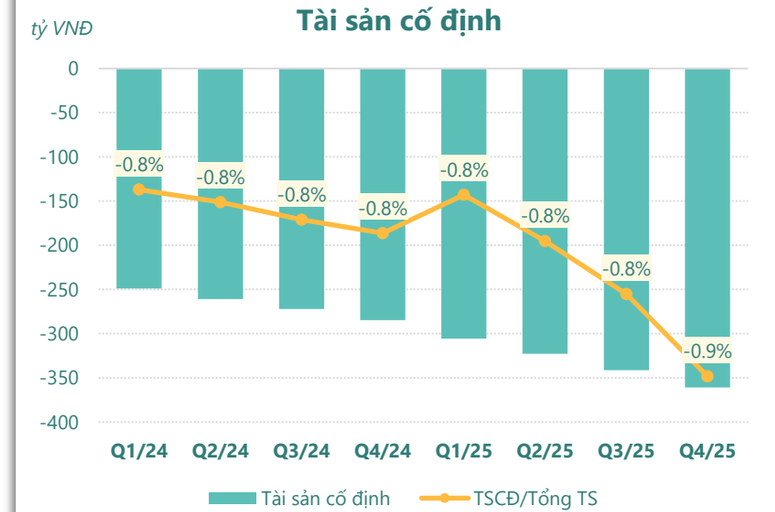
# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



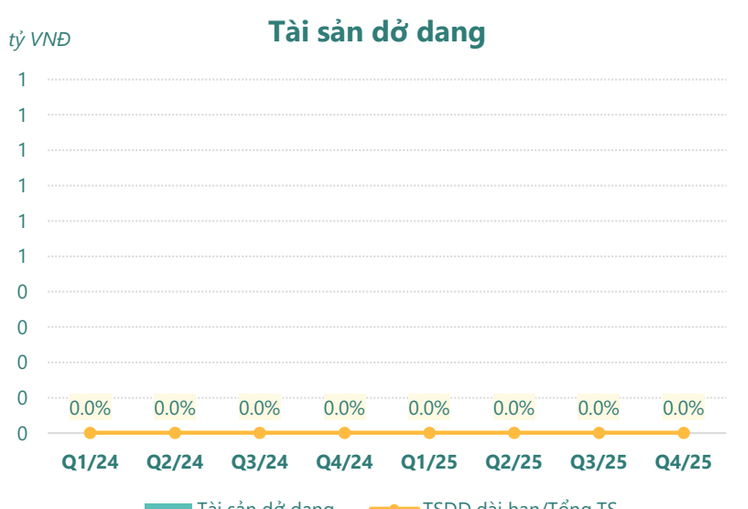

(Nguồn: fireant.vn)



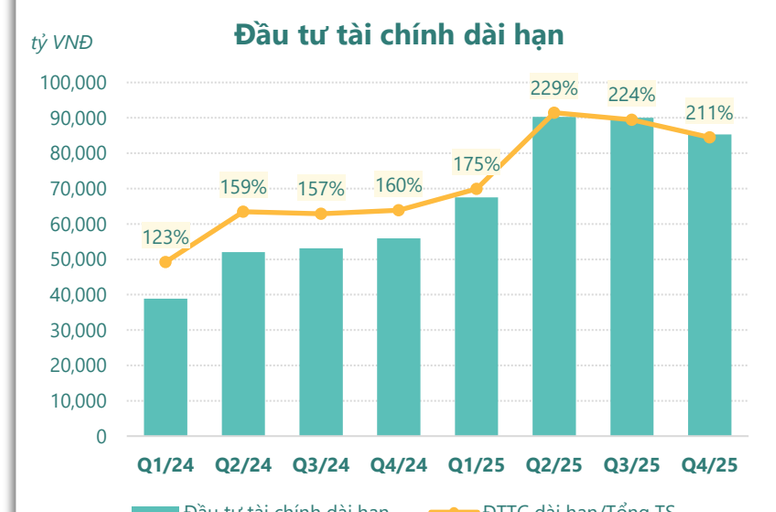

(Nguồn: fireant.vn)



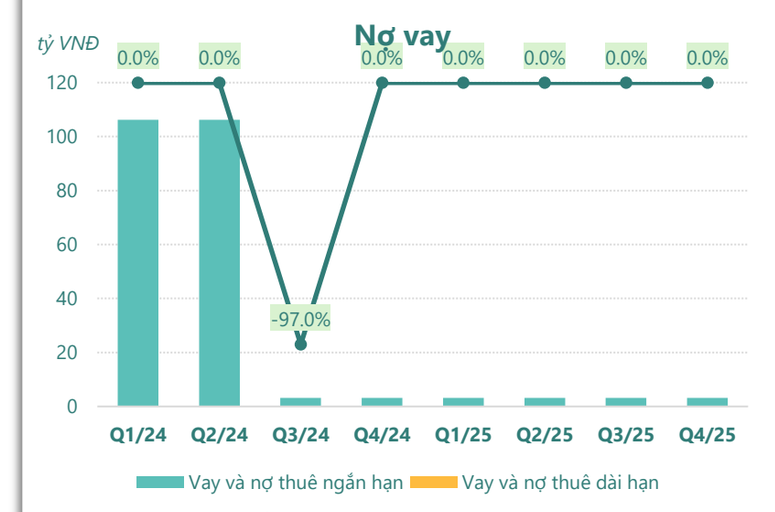

(Nguồn: fireant.vn)




(Nguồn: fireant.vn)



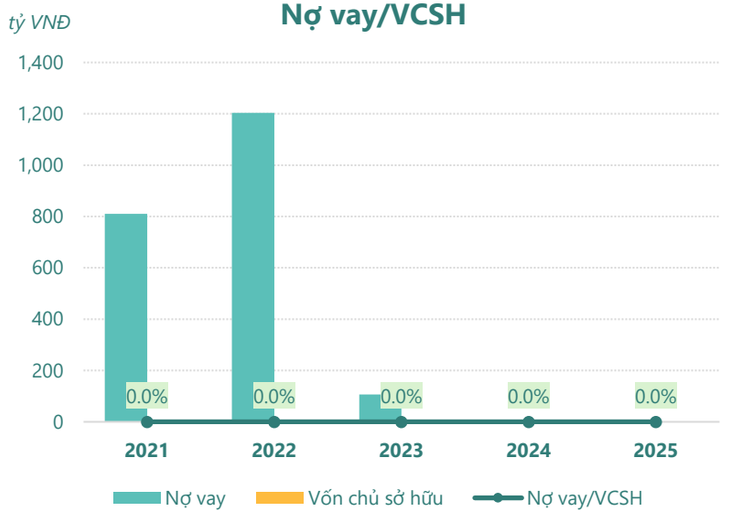

(Nguồn: fireant.vn)




(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

## Nợ vay/VCSH



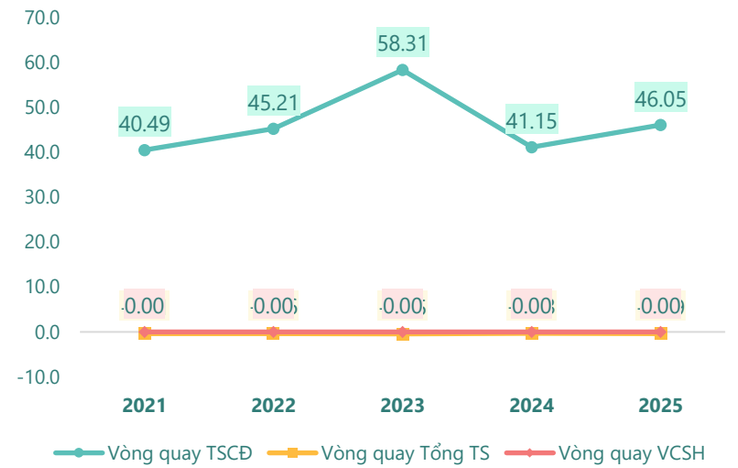

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản



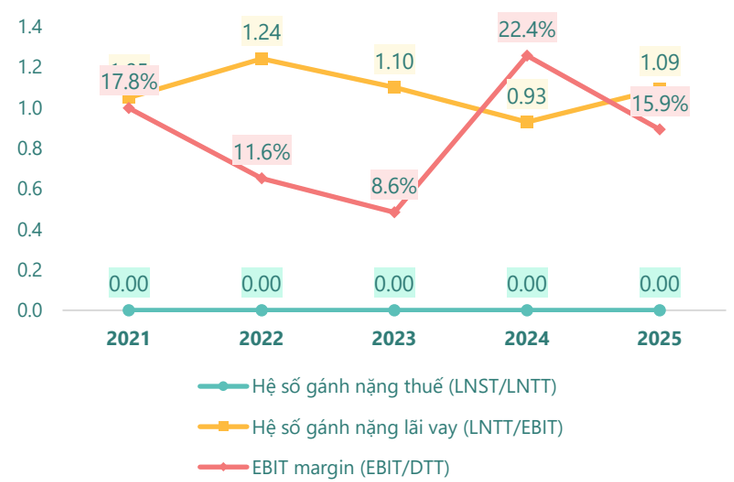

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



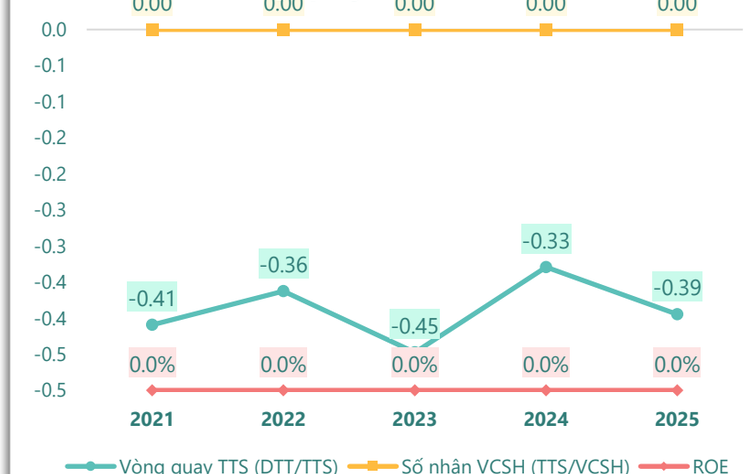

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



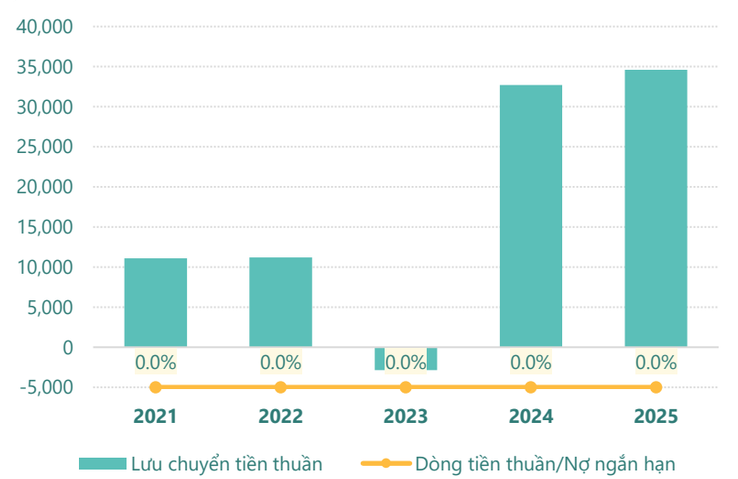

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản và ROE




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn




*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q4/25 | Q4/24 | Thay đổi YoY | 2025 | 2024 | Thay đổi YoY |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **-4,268** | **-2,843** | **-50.1%** | **-14,866** | **-10,750** | **-38.3%** |
| Giá vốn hàng bán | 174 | 533 | -67.4% | 725 | 1,112 | -34.8% |
| **Lợi nhuận gộp** | 320 | 611 | -47.6% | 1,060 | 1,349 | -21.4% |
| Doanh thu HĐTC | -147 | -790 | 81.4% | -335 | -238 | -40.9% |
| Chi phí TC | 128 | 7.70 | 1563% | 428 | 571 | -25.1% |
| **Chi phí lãi vay** | 72.4 | -213 | 134% | 217 | -172 | 226% |
| LN trong công ty LKLD | **103** | **-96.1** | **207%** | **269** | **321** | **-16.4%** |
| Chi phí bán hàng | 70.7 | 562 | -87.4% | 150 | 610 | -75.4% |
| Chi phí QLDN | **108** | **612** | **-82.3%** | **360** | **803** | **-55.2%** |
| **LN thuần từ HĐKD** | -37.6 | -50.3 | 25.2% | -210 | -193 | -8.9% |
| Lợi nhuận khác | **1,390** | **2,079** | **-33.1%** | **9,454** | **8,279** | **14.2%** |
| **LN trước thuế** | -1,261 | -548 | -130% | -2,586 | -2,239 | -15.5% |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **0** | **0.00** | | **0** | **0** | |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | **0** | **0.00** | | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)* | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 | Q3/25 | Q4/25 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | -6,950 | 25,710 | -2,622 | 31,204 | -10,832 | 12,674 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | -159 | -49.2 | 4,199 | -64.4 | -11.4 | -49.1 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | 0 | 0 | 100 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền đầu kỳ | 63,631 | 56,522 | 80,183 | 81,859 | 114,999 | 104,155 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **-7,108** | **25,661** | **1,676** | **31,139** | **-10,843** | **12,625** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền cuối kỳ | 56,522 | 82,183 | 81,859 | 114,999 | 104,155 | 116,780 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **40,373** | **35,003** | **15.3%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 1,041 | 964 | 8.0% |
| Tiền và tương đương tiền | 24,472 | 11,300 | 117% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 91,267 | 67,920 | 34.4% |
| Phải thu ngắn hạn | 11,458 | 8,869 | 29.2% |
| Hàng tồn kho | 50.5 | 2,427 | -97.9% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 0 | 0 | |
| **Tài sản dài hạn** | **512** | **488** | **4.9%** |
| Phải thu dài hạn | 1,194 | 1,092 | 9.3% |
| Tài sản cố định | -361 | -285 | -26.8% |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 267 | -100% |
| Tài sản dở dang | 0 | 0 | |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 85,300 | 55,895 | 52.6% |
| Tài sản dài hạn khác | **5,918** | **4,253** | **39.2%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 28,450 | 28,350 | 0.4% |
| **Nợ ngắn hạn** | **0** | **0** | |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 3.17 | 3.17 | 0.0% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 0 | 0 | |
| **Nợ dài hạn** | 0 | 0 | |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 0 | 0 | |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **0** | **0** | |
| **Vốn chủ sở hữu** | **0** | **0** | |
| Vốn điều lệ | 0 | 0 | |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*